TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 206/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 28/6/2024
"v/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*:* Ông Nguyễn Văn Chất

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Thà và ông Hoàng Sĩ Quang

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Phương Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương***: Bà Phạm Thị Thùy - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 174/2024/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2024 về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 216/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 5 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 161/2024/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2024 giữa:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 2000; HKTT: Thôn T, xã Đ, huyện N, tỉnh Hải Dương; Nơi ở hiện nay: Thôn C, xã L, huyện A, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt, có quan điểm xin vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Phạm Văn S, sinh năm 1994; Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn T, xã Đ, huyện N, tỉnh Hải Dương. Nơi ở hiện nay: Đài Loan. Vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1970; địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện N, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt, có quan điểm xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai và trong quá trình giải quyết, nguyên đơn chị Nguyễn Thị M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Phạm Văn S kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện N, tỉnh Hải Dương vào ngày 24/8/2018. Sau

khi kết hôn, vợ chồng chị chung sống cùng nhau tại nhà bố mẹ chồng. Quá trình chung sống, chị và anh S thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh S vẫn mải chơi, thường xuyên đi sớm về muộn, không quan tâm đến chị và con. Chị đã khuyên bảo nhiều lần nhưng anh S không nghe. Cuối năm 2018, anh S đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan. Sau khi anh S đi khoảng 1, 2 tháng, vợ chồng chị xảy ra cãi nhau do anh S nghi ngờ chị có tình cảm với người khác. Từ đầu năm 2019, chị đã chuyển về nhà bố mẹ đẻ ở và không còn liên lạc với anh S nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Phạm Văn S.

Về con chung: Vợ chồng chị có 01 con chung là Phạm Huy H, sinh ngày 07/6/2017. Mặc dù con sinh ra trước khi chị và anh S kết hôn nhưng chị xác định cháu H là con chung của chị và anh S. Hiện nay, cháu H đang ở cùng bà nội. Khi ly hôn, chị đề nghị Tòa án giao con cho anh S nuôi dưỡng. Trong thời gian anh S ở nước ngoài, đề nghị Tòa án tạm giao cháu H cho bà nội là Nguyễn Thị L nuôi dưỡng. Anh S không yêu cầu chị cấp dưỡng tiền nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng chị không có tài sản chung, nợ chung nên chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Do chị M không cung cấp được địa chỉ của anh Phạm Văn S ở Đài Loan nên Tòa án đã tiến hành xác minh tại gia đình anh S. Bà Nguyễn Thị L (là mẹ đẻ anh S) đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày: Bà không biết địa chỉ cụ thể của anh S ở nước ngoài nên không cung cấp cho Tòa án được. Tuy nhiên anh S vẫn thường xuyên liên lạc với gia đình bà qua điện thoại. Bà đồng ý nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và đã thông báo cho anh S biết. Anh S xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị M xin ly hôn, anh S đồng ý. Về con chung: Anh S xác định vợ chồng có 01 con chung là Phạm Huy H, sinh ngày 07/6/2017. Sau khi ly hôn, anh xin được nuôi con chung và tự nguyện không yêu cầu chị M cấp dưỡng tiền nuôi con. Anh S nhờ bà L chăm sóc cháu H trong thời gian anh S không có mặt tại Việt Nam, bà L đồng ý. Về tài sản chung, nợ chung: Anh S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị M, bà L vắng mặt và đều có quan điểm xin vắng mặt. Anh S vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm: Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự cơ bản chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy

định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án: Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị M ly hôn anh Phạm Văn S. Về con chung: Giao cho anh S nuôi dưỡng cháu Phạm Huy H, sinh ngày 07/6/2017 đến khi cháu trưởng thành. Trong thời gian ở nước ngoài, bà L nuôi cháu H giúp anh S. Về án phí: Chị M phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Bị đơn anh Phạm Văn S hiện đang sinh sống và làm việc tại Đài Loan, nơi cư trú trước khi xuất cảnh tại xã Đ, huyện N, tỉnh Hải Dương. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

[1.2] Quá trình giải quyết vụ án, chị M không cung cấp được địa chỉ cụ thể của anh S ở nước ngoài. Tòa án đã nhiều lần yêu cầu nhưng gia đình anh S đều trình bày không biết địa chỉ cụ thể của anh S ở Đài Loan. Tòa án đã tiến hành giao các văn bản tố tụng cho bà Nguyễn Thị L là mẹ đẻ của anh S để bà L thông tin lại cho anh S biết việc Tòa án đang giải quyết vụ án ly hôn giữa chị M và anh S đồng thời tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật.

[1.3] Tại phiên tòa, chị M, bà L vắng mặt và đều có quan điểm xin xét xử vắng mặt. Bị đơn anh S đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng qua gia đình và niêm yết các văn bản tố tụng đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, do vậy, căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị M và anh Phạm Văn S kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện N, tỉnh Hải Dương vào ngày 24/8/2018 nên là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, chị M và anh S xác định vợ chồng đã xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo chị M trình bày là do anh S vẫn mải chơi, thường xuyên đi sớm về muộn, không quan tâm đến chị và con. Cuối năm 2018, anh S đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan. Sau đó, vợ chồng tiếp tục xảy ra cãi nhau do anh S nghi ngờ chị M có quan hệ tình cảm với người khác. Nay chị M và anh S đều xác định tình cảm vợ

chồng không còn, chị M xin ly hôn, anh S đồng ý. Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị M và anh S đã trầm trọng, anh chị không còn yêu thương, quan tâm, chia sẻ, giúp đỡ nhau trong cuộc sống, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cần chấp nhận cho chị M được ly hôn anh S là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về quan hệ con chung: Chị Nguyễn Thị M và anh Phạm Văn S có 01 con chung là Phạm Huy H, sinh ngày 07/6/2017. Hiện nay cháu H đang ở cùng bà nội là Nguyễn Thị L. Sau khi ly hôn, chị M và anh S đều có quan điểm giao cháu H cho anh S nuôi dưỡng. Trong thời gian ở nước ngoài, anh S ủy quyền cho bà Nguyễn Thị L (là mẹ đẻ) nuôi dưỡng, chăm sóc cháu H cho đến khi anh S về Việt Nam, bà L đồng ý. Xét thấy, cháu H đã sinh sống ổn định cùng anh S và bà L, cháu H cũng có nguyện vọng muốn ở cùng bố và bà nội. Do vậy, cần tiếp tục giao cháu H cho anh S nuôi dưỡng là phù hợp. Tạm giao cháu H cho bà L chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi anh S về Việt Nam. Chấp nhận sự tự nguyện của anh S không yêu cầu chị M phải cấp dưỡng tiền nuôi con.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Chị Nguyễn Thị M phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273, Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị M về các vấn đề sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị M ly hôn anh Phạm Văn S.

1.2. Về quan hệ con chung: Xử giao cho anh Phạm Văn S được chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Phạm Huy H, sinh ngày 07/6/2017 kể từ tháng 06/2024 cho đến khi cháu Hoàng t 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của anh S không yêu cầu chị M phải cấp dưỡng tiền nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị M phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được đối trừ với số tiền tạm ứng án phí

300.000đ *(ba trăm nghìn đồng*) đã nộp thay, theo biên lai thu tiền số 0000597 ngày 10 tháng 4 năm 2024 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương. Chị M đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND xã Đồng Lạc, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Chất